

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án Trạm bơm Hoàng Khánh, tỉnh Thanh Hóa

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3270/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021, số 980/QĐ-BNN-KH ngày 17/3/2023 phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Trạm bơm Hoàng Khánh, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3754/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Căn cứ Văn bản số 2480/UBND-NN ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tham gia ý kiến về hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Trạm bơm Hoàng Khánh, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 381/UBND-NN ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án sử dụng vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số 09 /TTr-BQLDANN ngày 06/3/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa về việc trình thẩm định, phê duyệt BCNCKT dự án Trạm bơm Hoàng Khánh, tỉnh Thanh Hóa, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 324/BC-XD-TĐ ngày 16/3/2023 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Trạm bơm Hoàng Khánh, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Trạm bơm Hoàng Khánh, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư phần xây dựng công trình.

- UBND huyện Hoàng Hóa thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư Phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ dự án: Cấp nước tưới và tạo nguồn cho 11.572ha đất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản huyện Hoàng Hóa và huyện Hậu Lộc; kết hợp tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, công nghiệp với công suất 51.136m³/ngày đêm.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng mới trạm bơm lấy nước từ sông Mã thay thế cho trạm bơm cũ, vị trí cách cống dưới đê trạm bơm Hoàng Khánh cũ khoảng 100m; Cải tạo, nâng cấp khoảng 2,26 km kênh chính sau trạm bơm;

- Công trình đầu mỗi trạm bơm:

+ Lưu lượng thiết kế trạm bơm $Q_{tk} = 21,00\text{m}^3/\text{s}$, gồm 06 máy bơm chìm trực đứng mỗi máy có $Q = 3,5\text{ m}^3/\text{s}$ (12.600 m³/h), cột nước thiết kế $H_{tk} = 6,94\text{m}$.

(Thông số thiết kế tại Phụ lục I kèm theo)

+ Nhà trạm được xây dựng phía trong đê tả sông Mã cách cống qua đê cũ khoảng 100m, kích thước $L \times B = (15,0 \times 35,9)\text{m}$ bao gồm cả buồng hút và bể hút và 06 khoang lắp đặt bơm; cao trình sàn bơm +5,5m, cao trình đáy buồng hút -4,70m, cao trình đáy bể hút -3,15m. Bể xả liên khối nhà máy, gồm 2 đoạn tổng cộng dài 22,5m; đoạn 1 có kích thước $(L \times B) = (3,9 \times 21,5)\text{m}$, đoạn 2 dài 18,6m, chiều rộng biến đổi từ $(21,5 \div 8,0)\text{m}$, cao trình đáy +1,55m. Kết cấu bằng BTCT M250, gia cố nền kê cả bể xả bằng cọc BTCT M250.

+ Công lấy qua đê: dẫn nước từ sông Mã vào bể hút trạm bơm, $n_x(B \times H) =$

2x(3,5x3,0)m, cao trình đáy cống -3,15m; kết cấu cống bằng BTCT M250. Cửa van bằng thép, vận hành đóng mở bằng máy vít chạy điện 20VĐ1.

- Khu quản lý:

+ Nhà quản lý: Nhà 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 230,0m²; kết cấu khung cột BTCT M250, tường xây gạch;

+ Khuôn viên: Bố trí trạm biến áp, nhà điều hành, nhà để xe, đường vận hành, bồn hoa, trồng cây xanh tạo cảnh quan. Xung quanh khu quản lý xây dựng hàng rào bảo vệ bằng tường gạch xây và hệ thống đèn cao áp chiếu sáng.

- Kênh và công trình trên kênh:

+ Kênh chính: Nạo vét, sửa chữa, gia cố kênh dài 2,26km, điểm đầu K0 bắt đầu từ bề xả, chiều rộng đáy kênh B=5m, m=1,5, gồm:

Đoạn từ K0 ÷ K0+93,2: Nạo vét đáy kênh đạt cao trình thiết kế, gia cố mái, đáy kênh bằng BTCT M200 đổ tại chỗ.

Đoạn từ K0+93,2 ÷ K2+260: Nạo vét đáy kênh đạt cao trình thiết kế, gia cố đáy kênh bằng BTCT M200 đổ tại chỗ.

+ Công trình trên kênh:

Công lấy nước đầu kênh N1: Xây dựng mới cống có kích thước BxH = 2,2x2,5m; kết cấu cống bằng BTCT M250, xử lý nền bằng cọc BTCT M250. Cửa van bằng thép, vận hành bằng máy đóng mở chạy điện kiểu vít VD10.

Cầu thô sơ qua kênh: số lượng 02 cầu, tải trọng 0,5HL93, bề rộng B = 3,5m, 01 nhịp dài 15,4m, mố cầu xử lý bằng cọc BTCT M250.

- Thiết bị cơ khí:

Máy bơm: Bơm chìm trực đứng 06 cái, $Q_{TK} = 3,5\text{m}^3/\text{s}$, $H_{TK} = 6,94\text{m}$, $n = 490\text{v/ph}$, hiệu suất (tại H_{TK}) $\geq 82,3\%$; động cơ điện N=350kW, điện áp 400V, $\cos\phi \geq 0,80$; Hiệu suất định mức động cơ: $\eta_{dc} = 0,962$; ống hút, ống đẩy đường kính 1.400 mm, khớp lắp ráp, van clape đồng bộ với mỗi máy bơm và 01 máy bơm chìm phục vụ sửa chữa buồng hút;

Thiết bị nâng hạ: Nhà trạm, gồm 01 cầu trục chạy điện, sức nâng 7,5 tấn; 01 máy thả phai 04 tấn tại cửa vào buồng hút;

Các thiết bị cơ khí thủy công: Phai sửa chữa, lưới chắn rác, cửa van, máy thả phai; 04 tấm phai sửa chữa bằng thép kiểu trượt có lắp gioăng cao su, kích thước (BxH) = (2,8x1,40)m; 12 tấm lưới chắn rác bằng thép; Cống qua đê gồm 02 cửa van phẳng bánh xe kích thước (BxH) = (3,5x3,0)m đóng mở bằng máy vít 20VĐ, phai sửa chữa nâng hạ bằng pa lăng 03 tấn; Cống đầu kênh N1 gồm 02 cửa van phẳng trượt kích thước (BxH) = (2,2x2,5)m đóng mở bằng máy vít 10VĐ;

- Thiết bị điện: Nguồn cung cấp điện lấy từ lưới điện 22KV tại cột 64 lộ 476-E9.18, cách vị trí xây dựng trạm bơm 150m. Trạm biến áp gồm 2 máy 1.600 kVA-

22/0,4 kV cấp điện cho 6 tổ bơm và 1 máy biến áp tự dòng 100kVA-22/0,4 kVA; đường dây 22 kV dài khoảng 150m; hệ thống các tủ điện cao thế và hạ thế.

- Hệ thống thiết bị quan trắc: Chuyển vị lún, chuyển vị ngang và áp lực thấm ở nền.

- Tổ chức xây dựng: Thời gian thi công 02 năm; Vật liệu xây dựng: Cát, đá mua tại các mỏ khu vực lân cận công trình, đất đắp mua tại mỏ đất xã Hoàng Xuân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở: Liên danh Công ty TNHH tư vấn đại học Thủy lợi; Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Sao Mai và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện và thiết bị công nghiệp.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Diện tích sử dụng đất: 4,49ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cấp công trình và tần suất thiết kế:

+ Cấp công trình: Trạm bơm và kênh chính cấp II; Công qua đê cấp I.

+ Tần suất thiết kế: Tần suất đảm bảo tưới $P=85\%$; tần suất đảm bảo cấp nước $P=95\%$; đối với đầu mỗi trạm bơm: Tần suất lũ thiết kế $P=1\%$, tần suất lũ kiểm tra $P=0,2\%$; đối với công qua đê: tần suất thiết kế đê $P=0,33\%$, tần suất dẫn dòng thi công $P=10\%$.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

9. Khối lượng chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng chính
1	Đất đào các loại	m ³	74.189
2	Đất đắp các loại	m ³	47.209
3	Bê tông các loại	m ³	11.998
4	Đá các loại	m ³	525
5	Xây lát gạch các loại	m ³	403
6	Thép các loại	tấn	688

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: **249.632.952.000 đồng**, (Ghi bằng chữ) trong đó:

I. Phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đã bao gồm dự phòng)	16.323.676.000 đồng;
II. Phần xây dựng công trình	233.309.276.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	108.076.687.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	71.940.652.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.996.470.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	10.693.803.000 đồng;
- Chi phí khác:	4.471.688.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	35.129.976.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2023 đến năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

a) Nguồn vốn đầu tư: Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án, phù hợp với kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết TMDT và phân bổ cho các chủ đầu tư tại Phụ lục III kèm theo)

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

14. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng gồm mặt bằng xây dựng công trình đầu mỗi trạm bơm với tổng diện tích sử dụng đất 4,49ha, trong đó: đất giao thông, thủy lợi 3,94ha; đất ở, đất kinh doanh và đất vườn 0,55ha.

- Diện tích đất thu hồi: 0,55ha đất ở, đất kinh doanh và đất vườn;

- Số hộ dân di dời: 10 hộ.

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 16,323 tỷ đồng (đã bao gồm 10% dự phòng).

15. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục, đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành.

- Rà soát, tận dụng tối đa đất đào hố móng để làm vật liệu đất đắp;

- Rà soát diện tích, nghiên cứu thiết kế kiến trúc nhà quản lý, khuôn viên khu

quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, hiện đại, phù hợp với cảnh quan, thân thiện với môi trường;

- Thiết kế các biện pháp thi công đầu mỗi trạm bơm đảm bảo phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phục vụ tưới;

- Rà soát, đánh giá hiện trạng đường giao thông hiện có để tính toán lựa chọn giải pháp thi công cơ giới, vận chuyển vật liệu cho phù hợp;

- Lập quy trình kỹ thuật vận hành theo đúng các quy định hiện hành;

- Tổ chức lập Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư trong quản lý chi phí, đấu thầu:

- + Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các hạng mục công việc của dự án theo quy định tại Điều 33 Luật Đấu thầu, trừ các hạng mục công việc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Đấu thầu.

- + Trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư đã được phê duyệt (bao gồm cả trường hợp phần điều chỉnh tăng bằng phần điều chỉnh giảm), báo cáo Bộ xem xét, quyết định trước khi triển khai, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định nêu trên.

- + Lập, phê duyệt, cập nhật tổng dự toán của dự án và phê duyệt dự toán các hạng mục chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 11, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP làm cơ sở quản lý chi phí của dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Thanh Hóa:

- Thực hiện và chỉ đạo các đơn vị liên quan: (i) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan), đảm bảo mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; (ii) tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng công trình đã được giải phóng mặt bằng đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung; (iv) chỉ đạo đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh để quản lý, khai thác theo quy định.

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa, UBND huyện Hoằng Hóa thực hiện chức năng chủ đầu tư như phân công tại khoản 3 Điều 1, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

3. Cục Quản lý Xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa;
- Kho bạc NN Thanh Hóa;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp